

Bản án số: 30/2021/HS-PT
Ngày 24 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo: **Nguyễn Hữu D** và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu D, sinh năm 1967 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ Q, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Cao Thị D; có vợ là Nguyễn Thị X và 03 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-4-2017 đến ngày 19-12-2017, tại ngoại - Có mặt.

2. Nguyễn Thành L, sinh năm 1963 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ W, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân B và bà Vũ Thị N (đã chết); có vợ là Lê Thị N và 04 con; tiền án: Bản án số: 76/2012/HS-ST ngày 27-11-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm về tội “*Hủy hoại rừng*”, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07-4-2017 đến ngày 29-12-2017, tại ngoại - Có mặt.

3. Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn

Tiến H và bà Nguyễn Thị R (đã chết); có vợ là Đoàn Thị P và 02 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-5-2017 đến ngày 13-02-2018, tại ngoại - Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn K: Ông Mai Văn Hiệp, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Mai Hiệp thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 417, đường Tôn Đức Thắng, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L: Ông Nguyễn Văn Hùng, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thiên Hùng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Tổ 2, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ban Quản lý rừng phòng hộ G, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Tr, chức vụ: Giám đốc - Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Tuấn Kh; địa chỉ: Số R, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị Th; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Anh Lê Thanh B; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Hà Văn T; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- Chị La Thị Hoàng B; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Lục Văn Tr; địa chỉ: Thôn U, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Chị Tào Thị H; địa chỉ: Thôn I, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Tào Văn B; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Diệp Văn A; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Chị Tào Thị B; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Trịnh Văn Th; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn T; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn O, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị Th; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Tào Văn Th; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Chị Tào Thị B; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Sùng A S; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Mô A S; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30-3-2017, tại khoảnh 6, 8 Tiểu khu 1685 do Xí nghiệp lâm nghiệp Đ (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ G) quản lý, nằm trên địa giới hành chính xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, qua khám nghiệm hiện trường Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện Đắk Glong đã xác định diện tích rừng bị hủy hoại là 458.383 m². Quá trình điều tra xác định tại diện tích rừng bị hủy hoại trên, thông qua Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn K, Nguyễn Hữu D đã thuê Hoàng Thị Th, Tào Thị B, La Thị Hoàng B, Lục Văn Tr, Diệp Văn A, Tào Văn B, Tào Thị H, Trịnh Văn Th, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Lê Thanh B, Hà Văn T, Tào Văn Th, Hoàng Thị Th, Tào Thị B, Sùng A S, Mô A S, Lương Tiến A và một số người khác hủy hoại diện tích rừng là 78.278 m², cụ thể như sau:

Ngày 28-5-2014, D ký kết Hợp đồng huy động vốn trồng rừng số: 02/HĐ-XN với Xí nghiệp lâm nghiệp Đ thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên G (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ G) để trồng rừng với tổng diện tích là 23 ha tại khoảnh 8 Tiểu khu 1685 thuộc địa giới hành chính xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Cùng ngày D nhờ Nguyễn Ngọc S (sinh năm 1958, trú tại thôn C, xã Đ, huyện Đ) đứng tên ký kết Hợp đồng huy động vốn trồng rừng số: 04/HĐ-XN với Xí nghiệp lâm nghiệp Đ, với tổng diện tích 22 ha cũng tại khoảnh 8 Tiểu khu 1685. Hiện trạng đất theo hồ sơ giao khoán là đất trống không có cây gỗ tái sinh và rừng lồ ô.

Sau khi ký kết hợp đồng, D không thực hiện trồng rừng. Đến đầu năm 2017, hiện trạng đất giao khoán lúc này là rừng lồ ô, mặc dù không báo cáo và chưa có sự hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền nhưng D đã nhờ L và K tìm người chặt phát rừng trên diện tích huy động vốn và diện tích rừng ở bên cạnh thì L và K đồng ý. Thông qua L và K, D thuê Th chặt phát diện tích 30 ha với tiền công là 5.500.000 đồng/ha, thuê B chặt phát rừng với diện tích 10 ha với tiền công là 5.500.000 đồng/ha. Th tiếp tục thuê B, La Thị Hoàng B, Tr, A, B, H, Th, T, H, Th, Th, B, S và S đi chặt phát rừng cho D; B rủ T, Tiến A và một số người khác (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi chặt phát rừng cho D.

Sau đó D nhờ K và L dẫn nhóm của Th và nhóm của B vào khoảnh 6, 8 Tiểu khu 1685 chỉ vị trí, ranh giới để chặt phá. Sau khi được chỉ vị trí, ranh giới, nhóm của Th và nhóm của B mang theo dao phát tiến hành chặt phát rừng. Thời gian chặt phát rừng buổi sáng từ khoảng 07 giờ đến khoảng 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ khoảng 13 giờ đến khoảng 17 giờ thì nghỉ. Cách thức chặt phát là chặt phát theo hàng, chặt từ dưới dốc chặt lên trên. Nhóm của Th và nhóm của B chặt phát rừng trong khoảng 10 ngày thì xảy ra tranh chấp với Mai Thị Th (sinh năm 1983, trú tại thôn X, xã N, huyện Đ) nên nghỉ không chặt phát rừng nữa.

Tổng diện tích rừng nhóm của Hoàng Thị Th và nhóm của Lê Thanh B đã hủy hoại là 78.278 m². Trong đó:

Diện tích rừng nhóm của Hoàng Thị Th hủy hoại là 37.538 m² (Trong đó: Hoàng Thị Th tham gia hủy hoại toàn bộ diện tích 37.538 m²; Tào Thị B tham gia hủy hoại một phần với diện tích là 25.387 m²; La Thị Hoàng B và Lục Văn Tr tham gia hủy hoại một phần với diện tích là 31.137 m²; Tào Thị H tham gia hủy hoại một phần với diện tích là 29.435 m²; Diệp Văn A và Tào Văn B tham gia hủy hoại một phần với diện tích là 26.343 m²; Trịnh Văn Th tham gia hủy

hoại một phần với diện tích là 10.432 m²; Nguyễn Văn H và Phạm Văn T tham gia hủy hoại một phần với diện tích là 7.698 m²; Hoàng Thị Th tham gia hủy hoại một phần với diện tích là 3.250 m²; Tào Văn Th tham gia hủy hoại một phần với diện tích là 2.595 m²; Tào Thị B tham gia hủy hoại một phần với diện tích là 2.064 m²; Sùng A S và Mô A S tham gia hủy hoại một phần với diện tích là 1.601m²).

Diện tích rừng nhóm của Lê Thanh B hủy hoại là 40.740 m² (Lê Thanh B, Hà Văn T và Lương Tiến A tham gia hủy hoại toàn bộ diện tích này).

Quá trình chặt phát rừng, D giao cho L trực tiếp giám sát, quản lý nhân công chặt phát rừng. Đồng thời D nhờ K trả tiền công phá rừng cho Th số tiền 29.000.000 đồng, trả tiền công phá rừng cho B số tiền 16.000.000 đồng.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 30-3-2017 và các Biên bản xác minh hiện trường ngày 31-8-2017, ngày 15-4-2017, ngày 05-5-2017, ngày 27-5-2017, ngày 10-10-2017, ngày 22-12-2017, ngày 27-12-2017, ngày 28-12-2017, ngày 29-12-2017 và ngày 05-9-2018, xác định: Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 78.278 m².

Bản kết luận giám định ngày 17-4-2017, các Bản kết luận giám định bổ sung ngày 21-9-2018 của Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp kết luận: Vị trí: thuộc lô 20 khoảnh 6; lô 6, 8, 10, 11, 12, 14 khoảnh 8 Tiểu khu 1685. Về mức độ thiệt hại: 100%. Về loại rừng và trạng thái rừng: rừng lồ ô, thuộc loại rừng sản xuất. Giá trị thiệt hại tính thành tiền là: 383.029.898 đồng. Trong đó: giá trị thiệt hại tính thành tiền đối với diện tích rừng 37.538 m² (do nhóm của Hoàng Thị Th hủy hoại) là 183.680.938 đồng; giá trị thiệt hại tính thành tiền đối với diện tích rừng 40.740 m² (do nhóm của Lê Thanh B hủy hoại) là 199.348.968 đồng.

Đối với hành vi hủy hoại rừng của Hoàng Thị Th, Lê Thanh B, Hà Văn T, Tào Thị B, La Thị Hoàng B, Lục Văn Tr, Diệp Văn A, Tào Văn B, Tào Thị H, Trịnh Văn Th, Phạm Văn T và Nguyễn Văn H do nhận thức pháp luật còn hạn chế, mục đích chặt phát để lấy tiền công, ngoài ra không nhằm mục đích nào khác và do chuyển biến của tình hình, hành vi không còn nguy hiểm cho xã hội nữa nên ngày 06-7-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với các bị can theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Đắk Glong đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn K phạm tội “Hủy hoại rừng”.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 01 năm 03 tháng tù.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị

cáo Nguyễn Thành L 01 năm tù và tổng hợp hình phạt đối với Bản án số: 76/2012/HS-ST ngày 27-11-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm tù.

3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 08 tháng 20 ngày tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn K kháng cáo kêu oan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên các bị cáo không phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn K đề nghị xem xét lại hành vi của các bị cáo và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông và chuyển toàn bộ hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Ông Mai Văn Hiệp trình bày: Sau khi trình bày luận cứ của vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn K không phạm tội và phục hồi các quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Hùng trình bày: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Hữu D đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội. Bị cáo Nguyễn Thành L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn K trình bày: Bị cáo chỉ trả tiền hộ cho bị cáo D từ số tiền mà bị cáo D đưa cho bị cáo và bị cáo không làm gì nên bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm có những vi phạm như sau:

[1]. Về vị trí, tọa độ: Tại các thời điểm xác minh, đo đạc hiện trường, Đoàn khám nghiệm đều sử dụng máy định vị đo đạc GPS (ngày 30-3-2017 sử dụng máy GPS Map 78; ngày 15-4-2017 sử dụng máy GPS DREG65; ngày 31-8-2018 sử dụng máy GPS Map 760X...). Các máy sử dụng để đo đạc có ký hiệu khác

nhau nhưng đều cùng một dòng máy GPS cho nên sẽ cho ra cùng hệ tọa độ như nhau tại một khu vực, nhưng trong hồ sơ vụ án lại thể hiện các tọa độ nằm trong khu vực 9 theo sơ đồ hủy hoại rừng thì trong biên bản xác minh hiện trường không thể hiện tọa độ và không làm rõ căn cứ nào để xử lý. Vì đa số các tọa độ đều không trùng nhau. Do vậy, đối với diện tích rừng do các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm và cơ quan chức năng đã xác định được khu vực rừng mà các bị cáo hủy hoại nhưng chưa làm rõ về tọa độ, vị trí và hiện trạng.

[2]. Về diện tích hủy hoại rừng nằm ngoài hồ sơ huy động vốn có sự chênh lệch, cụ thể: Tại khu vực 8 thuộc nhóm Hoàng Thị Th chặt phá thể hiện ở biên bản xác minh ngày 30-8-2018 thì tổng diện tích là 0,5615 ha; tuy nhiên tại Công văn số: 247/KL-QLR ngày 06-4-2020 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ về việc lồng ghép, đối chiếu diện tích rừng bị hủy hoại bằng phương pháp đối chiếu tọa độ khu vực rừng bị hủy hoại, lồng ghép các hồ sơ, bản đồ do Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong cung cấp (gọi tắt là Công văn số 247) thì tổng diện tích nhóm này chặt phá tổng là 0,58 ha (trong đó diện tích hủy hoại ngoài là 0,16 ha và diện tích nằm trong hồ sơ là 0,42 ha), như vậy có sự chênh lệch là $0,58 \text{ ha} - 0,5615 \text{ ha} = 0,0185 \text{ ha}$;

Tại khu vực 9 thuộc nhóm Hoàng Thị Th chặt phá thể hiện tại biên bản xác minh ngày 30-8-2018 thì tổng diện tích là 0,1715 ha; tuy nhiên tại Công văn số 247 thể hiện tổng diện tích nhóm này chặt phá tổng là 0,18 ha (trong đó diện tích hủy hoại ngoài là 0,10 ha và diện tích nằm trong hồ sơ là 0,08 ha); như vậy có sự chênh lệch là $0,18 \text{ ha} - 0,1715 \text{ ha} = 0,0085 \text{ ha}$.

Bản kết luận điều tra bổ sung ngày 03-5-2020 của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong xác định diện tích rừng bị hủy hoại là **7,827 ha**. Trong khi Công văn số 247 xác định diện tích lồng ghép, đối chiếu là: lồng ghép đối chiếu theo hồ sơ huy động vốn: **7,87 ha**; còn lồng ghép đối chiếu với bản đồ phúc tra hiện trạng rừng cho ra diện tích **7,89 ha**. Trong khi đó, Bản án lại xác định diện tích các bị cáo hủy hoại là 78.278 m^2 (tương ứng 7,8278 ha), trong đó có 0,553 ha các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3]. Các bản kết luận giám định xác định chưa đầy đủ diện tích hủy hoại ngoài 02 hồ sơ giao khoán: Theo hợp đồng giao khoán cả 02 hồ sơ của D và S đều thuộc khoảnh 8 tiểu khu 1685. Quá trình phát hiện rừng bị hủy hoại, khoanh tròn vị trí, diện tích nhóm của Hoàng Thị Th và Th hủy hoại xác định vị trí thuộc lô **20 khoảnh 6** và lô 6, 8, 10, 11, 12, 14 khoảnh 8 tiểu khu 1685. Qua nghiên cứu các bản kết luận giám định thấy: Bản kết luận ngày 07-4-2017 và ngày 24-9-2018 là căn cứ quan trọng để chứng minh diện tích hủy hoại ngoài hồ sơ huy động vốn nhưng cấp sơ thẩm chỉ nêu 02 bản kết luận giám định ngày 17-4-2017 và ngày 21-9-2018 để xác định diện tích, vị trí rừng bị hủy hoại là thiếu sót và chưa đủ căn cứ để chứng minh toàn bộ diện tích 0,553 ha vì trong 02 bản kết luận ngày 17-4-2017 và 21-9-2018 chưa đủ diện tích 0,553 ha. Như vậy,

tổng diện tích qua các tài liệu có sự mâu thuẫn, chênh lệch dẫn đến chưa có căn cứ vững chắc để chứng minh tổng diện tích nằm ngoài hồ sơ giao khoán làm căn cứ buộc tội đối với diện tích 0,553 ha đối với các bị cáo.

[4]. Ngoài ra, trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm có nhưng vi phạm, cụ thể:

Quá trình tố tụng cấp sơ thẩm: Cơ quan điều tra đề nghị Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thành L về tội “*Hủy hoại rừng*” với tổng diện tích cả trong và ngoài hồ sơ giao khoán là 7,728 ha. Cáo trạng số: 50/CT-VKS ngày 16-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thành L về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị can Hoàng Thị Th, Lê Thanh B, Hà Văn T, Tào Thị B, La Thị Hoàng B, Lục Văn Tr, Diệp Văn A, Tào Văn B, Tào Thị H, Trịnh Văn Th, Phạm Văn T và Nguyễn Văn H do nhận thức pháp luật còn hạn chế, mục đích chặt phát cây để lấy tiền công, do chuyển biến tình hình, hành vi của các bị can không còn nguy hiểm cho xã hội nữa nên ngày 06-7-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với các bị can theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 05-8-2020, xét xử các bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25-9-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo D, K và L. Tòa án tuyên các bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, thể hiện: Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố các bị cáo hủy hoại diện tích 78,278 m²; trong đó diện tích nằm trong hồ sơ Nguyễn Hữu D là 0,05 ha; nằm trong hồ sơ của Nguyễn Ngọc S là 7,26 ha; nằm ngoài hai hồ sơ là 0,553 ha. Tòa án nhận định, việc các bị cáo thực hiện việc phát rừng là thực hiện theo nội dung hợp đồng với diện tích lòng ghép nằm trong hai hồ sơ giao khoán 7,31 ha là có cơ sở; đối với diện tích hủy hoại là 0,553 ha nằm ngoài diện tích được giao nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với phần diện tích này. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích các bị cáo hủy hoại là 0,553 ha phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng không trả hồ sơ yêu cầu điều tra làm rõ vị trí, tọa độ, hiện trạng. Mặc dù trong hồ sơ, Công văn số 247 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ thể hiện diện tích mâu thuẫn, chênh lệch với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với các biên bản xác minh hiện trường về vị trí các bị cáo hủy hoại thì chỉ điều tra chung cùng với diện tích mà Viện kiểm sát truy tố, chưa tách và làm rõ tọa độ đối với diện tích nằm ngoài hồ sơ giao khoán. Mặt khác, vị trí tọa độ của phần diện tích mà Viện kiểm sát truy tố hầu như không trùng với vị trí tọa độ theo sơ đồ hủy hoại rừng khám

nghiện hiện trường ban đầu vào ngày 30-3-2017 và các tọa độ trong các bản kết luận giám định.

Tòa án nhận định chung các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với diện tích rừng bị phá ngoài 02 hợp đồng số 02 và 04 là 0,553 ha mà chưa yêu cầu điều tra làm rõ các vấn đề sau: Hiện trạng rừng, loại rừng? diện tích đất rừng này hiện thuộc quản lý của ai? Đã giao khoán cho ai chưa? Vị trí, tọa độ của diện tích này như thế nào? Những vấn đề này tại phiên tòa không thể làm rõ và thuộc trường hợp phải trả hồ sơ điều tra bổ sung theo khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 02/2017 thể hiện “Hội đồng xét xử (tại phiên tòa) ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ để chứng minh.... nếu xét thấy không thể bổ sung được trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa”.

Tại phiên tòa sơ thẩm trong phần tranh tụng; Hội đồng xét xử không xét hỏi, làm rõ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đối với diện tích 0,553 ha và các diện tích khác thuộc lô 20 khoảnh 6 thể hiện trong các biên bản xác minh. Không xác định diện tích này được chặt phá vào thời gian nào? Tọa độ như thế nào? Hiện trạng đất tại thời điểm các bị cáo hủy hoại? làm rõ diện tích này thuộc quản lý của ai? Đã giao khoán cho ai chưa? Đất này có thuộc dự án nào không? Hiện trạng đất này theo quy hoạch tổng thể của UBND tỉnh Đ là đất trống hay thuộc loại rừng nào? Vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp đến kết luận giám định loại rừng, trạng thái rừng và mức độ thiệt hại làm căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Việc lập ô tiêu chuẩn để tiến hành giám định dựa vào khu vực đất rừng giao khoán để tính khu vực ngoài diện tích này có phù hợp với thực tế hay không? Vì trong Công văn số 247 chỉ ghi diện tích này nằm ngoài bản đồ phúc tra hiện trạng, không ghi rõ hiện trạng; như vậy đã đối chiếu, xem xét kỹ hay chưa?

Mặc dù hồ sơ vụ án còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ, chưa đủ chứng cứ hợp pháp để chứng minh, làm rõ vị trí, tọa độ thiệt hại đối với diện tích 0,553 ha, nhưng Tòa án không trả hồ sơ điều tra cho Viện kiểm sát điều tra bổ sung, làm rõ mà tuyên án đối với các bị cáo là vi phạm về thu thập tài liệu, đánh giá chứng cứ trong điều tra vụ án.

Cấp sơ thẩm chưa làm rõ được diện tích 0,553 ha mà các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc có nằm trong ranh giới cán bộ Xí nghiệp Lâm nghiệp Đ chỉ hay nằm ngoài ranh giới. Ngoài ra, cần làm rõ các tọa độ, vị trí diện tích trên để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Cấp sơ thẩm cần phải điều tra làm rõ lời khai của một số cán bộ Xí nghiệp Lâm nghiệp Đ là người chỉ ranh giới trong hợp đồng số 02 và 04 có căn cứ theo hợp đồng hay bên ngoài.

Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án mà cấp sơ thẩm đã giải quyết còn thiếu một số bút lục, mặc dù đã được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm giải trình. Tuy nhiên, cũng cần phải làm rõ và bổ sung vào hồ sơ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về điều tra, thu thập chứng cứ, chứng minh.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể sửa chữa, khắc phục được. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Do bản án bị hủy nên không xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo.

[5]. Các bị cáo Nguyễn Hữu D, Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông điều tra lại theo quy định của pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- TAND huyện Đắk Glong;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk Glong;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương